

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày 31-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

NTB, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1993 tại Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà E; có chồng là F và có 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24-12-2021; có mặt.

Bị hại: Anh BH, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số G, tổ H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông NLC1, ông NLC2, anh NLC3, chị NLC4, anh NLC5; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2019, NTB quen biết với anh BH qua việc mua bán điện thoại trên mạng, khi gặp anh BH, NTB tự giới thiệu là Luật sư thuộc Đoàn

Luật sư thành phố Hải Phòng. Đến khoảng tháng 9 năm 2019 anh BH nhờ NTB làm giúp chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 242 K, L, Hải Phòng. NTB đồng ý. Sau khi biết được thông tin thửa đất NTB lên mạng Internet để hỏi thủ tục sang tên nhưng tư vấn viên trả lời đây là đất tranh chấp, cần chủ đất ký vào các giấy tờ liên quan như trích đo, giáp ranh...hoặc làm đơn ra Tòa dân sự để giải quyết tranh chấp. NTB tiếp tục yêu cầu anh BH chuyển hồ sơ cho NTB để NTB đến nhà chủ đất yêu cầu ký vào các giấy tờ liên quan để NTB làm giấy chuyển nhượng nhưng chủ đất không ký. Lúc này biết không thể làm được giấy chuyển nhượng đất cho anh BH nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên NTB vẫn yêu cầu anh BH chuyển cho NTB 80.000.000đồng và hứa sau 03 tháng sẽ làm được giấy chuyển nhượng đất cho anh BH. Từ ngày 23/9/2019 đến ngày 25/9/2019 anh BH chuyển qua tài khoản Ngân hàng cho NTB nhiều lần với tổng số tiền là 50.000.000đồng để làm chi phí chuyển nhượng. Sau khi nhận được tiền từ anh BH, NTB không làm như đã hứa và chi tiêu hết số tiền này. Đến tháng 10 năm 2019 NTB nói với anh BH về việc đã nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để làm thủ tục sang tên chuyển nhượng và yêu cầu anh BH chuyển tiếp 30.000.000đồng. Anh BH đồng ý và chuyển cho NTB 30.000.000đồng trực tiếp bằng tiền mặt. Đến tháng 11 năm 2019 NTB được văn phòng đăng ký đất đai thông báo không làm được nhưng NTB vẫn nói với anh BH chuyển tiếp cho NTB 20.000.000đồng để lo chi phí chuyển nhượng và hứa đến tháng 12 năm 2019 sẽ làm được giấy chuyển nhượng cho anh BH. Anh BH tiếp tục chuyển 20.000.000đồng bằng tiền mặt cho NTB. Như vậy đến tháng 12 năm 2019 anh BH đã chuyển cho NTB tổng số tiền là 100.000.000đồng để nhờ NTB làm thủ tục sang tên chuyển nhượng mảnh đất số 242 K, L. NTB đã sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình anh BH nhờ NTB làm thủ tục sang tên chuyển nhượng NTB đều nói với anh BH đang làm Luật sư ở văn phòng Luật sư M, địa chỉ số 25 N, O, P. Khi anh BH hỏi NTB về kết quả chuyển nhượng thửa đất số 242 K, L thì NTB nói đã chuyển nhượng được quyền sử dụng đất cho anh BH nhưng do thông tin bị sai lệch nên phải đính chính lại. Đến tháng 8 năm 2020 anh BH phát hiện NTB không chuyển nhượng được thửa đất đã gặp NTB để đòi lại tiền nhưng NTB không có tiền trả. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 anh BH làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng sự việc trên.

Tại Công văn số 1477/STP-BTTP ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Tư pháp trả lời: Qua rà soát hồ sơ, tài liệu lưu trữ Sở Tư pháp không đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư và không cấp giấy đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề Luật sư cho bà NTB trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Tại Công văn số 75 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng trả lời: Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng không có Luật sư NTB, sinh năm 1993 trong danh sách.

Tiến hành xác minh tại địa chỉ số 25 N, O, P, Hải Phòng không có Văn phòng Luật sư M.

Tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thành phố Hải Phòng: trong thời gian năm 2019, 2020 không tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nào từ NTB. Đối với hồ sơ của thửa đất số 242 K, L, Hải Phòng đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đất thuộc diện không có tranh chấp, không thuộc đất quy hoạch dự án và phù hợp với quy hoạch kiến trúc đất ở nông thôn.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSHB ngày 21-4-2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố NTB về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra khoảng tháng 9 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 anh BH còn nhờ NTB sang tên chuyển nhượng đất nông nghiệp tại xã Q, huyện L, Hải Phòng và chuyển quyền thuê nhà tại khu tập thể R, S, Hải Phòng cho anh BH. Đối với hai mảnh đất này anh BH chuyển cho NTB số tiền 30.000.000đồng để NTB làm thủ tục tạm trú cho ông NLC1 (bố của anh BH) tại mảnh đất nông nghiệp xã Q hết 1.500.000đồng và trả tiền thuê nhà tại R hết 4.118.070đồng, số tiền còn lại khoảng 24.000.000đồng NTB hỏi vay lại BH và được BH đồng ý. NTB không hứa hẹn gì với anh BH về việc sẽ làm được giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai mảnh đất này.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố là đúng. Nguyên nhân phạm tội do bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, túng quẫn, dịch bệnh nên không có việc làm, bị cáo phải nuôi bốn con nhỏ trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi, 01 con vừa mới sinh nên đã tham lam, nhất thời phạm tội. Nay bị cáo ăn năn, hối cải, đã khắc phục phần lớn thiệt hại cho bị hại. Vì vậy, mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 70.000.000đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường nốt số tiền

30.000.000đồng và không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo NTB phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về hành vi, thủ đoạn phạm tội, số lượng và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt. Bởi vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, NTB đã có hành vi gian dối giả danh là Luật sư để nhận làm giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh BH nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh BH và đã chiếm đoạt được số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) của anh BH. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu tiêu xài của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi

phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bởi vậy, cần phải được xử lý thỏa đáng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo NTB không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo đang mang thai; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường phần lớn thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và đang nuôi 04 con trong đó có 01 con mới sinh, 01 con dưới 36 tháng tuổi. Bởi vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt chính: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người lao động do hoàn cảnh khó khăn nên nhất thời phạm tội, bản thân có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu ở Mục [7], có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội. Có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không chứng minh được bị cáo có tài sản riêng. Bởi vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại giai đoạn điều tra và quá trình giải quyết vụ án đã có đủ các lời khai thể hiện bị hại đã được nhận 70.000.000đồng là tiền bị cáo bồi thường thiệt hại, bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường nốt số tiền 30.000.000đồng, ngoài ra bị hại không còn yêu cầu, đề nghị gì thêm. Xét yêu cầu của bị hại là có cơ sở nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: Không.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại đều được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: NTB 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo NTB.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo NTB phải bồi thường cho bị hại BH số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo NTB phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP.Hải Phòng;
- VKSND TP.Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP.Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương